

Đắk Lắk, ngày 07 tháng 11 năm 2024

Thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển (phần vốn phân bổ sau) và cập nhật danh mục dự án đầu tư từ nguồn

ngân sách nhà nước giai đoạn 05 năm (2021 – 2025) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

Thực hiện Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân khai chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ phần vốn phân bổ sau nguồn ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, năm 2023;

Thực hiện Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, kế hoạch năm 2023;

Thực hiện Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh tên dự án và điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, kế hoạch năm 2023;

Xét Tờ trình số 125/TTr-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh trình dự thảo Nghị quyết về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh năm 2023 kéo dài sang năm 2024 thực hiện các nội dung, dự án đầu tư thuộc các Dự án thành phần 01, 02, 04 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Báo cáo thẩm tra số 156/BC-HĐND ngày 04 tháng 11 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh năm 2023 kéo dài sang năm 2024 thực hiện các nội dung, dự án đầu tư thuộc các Dự án thành phần 01, 02, 04 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, với số vốn là 39.297 triệu đồng (*ngân sách trung ương là 36.821 triệu đồng; ngân sách tỉnh là 2.476 triệu đồng*). Cụ thể:

1. Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh năm 2023 kéo dài sang năm 2024 thực hiện các nội dung, dự án thuộc Dự án thành phần 01, 02, với số vốn là 39.297 triệu đồng

(ngân sách trung ương là 36.821 triệu đồng; ngân sách tỉnh là 2.476 triệu đồng), bao gồm:

a) Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương năm 2023 kéo dài sang năm 2024 thực hiện nội dung hỗ trợ nhà ở, đất ở, đất sản xuất thuộc Dự án thành phần 01, trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột và các huyện: Buôn Đôn, Cư M'gar, Krông Búk, Krông Năng, M'Đrăk, Krông Bông, Krông Pắc, Krông Ana, Lăk, với số vốn là 30.297 triệu đồng (ngân sách trung ương là 27.821 triệu đồng; ngân sách tỉnh là 2.476 triệu đồng).

b) Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương năm 2023 kéo dài sang năm 2024 của 01 dự án đầu tư thuộc Dự án thành phần 02 trên địa bàn huyện Ea H'leo, với số vốn là 9.000 triệu đồng.

2. Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh năm 2023 kéo dài sang năm 2024 cho 12 dự án thuộc các Dự án thành phần 02, 04 với số vốn là 39.297 triệu đồng (ngân sách trung ương là 36.821 triệu đồng; ngân sách tỉnh là 2.476 triệu đồng), bao gồm:

a) Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương năm 2023 kéo dài sang 2024 cho 03 dự án đầu tư thuộc Dự án thành phần 02, trên địa bàn các huyện: Krông Búk, Krông Năng, với số vốn là 31.350 triệu đồng.

b) Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh năm 2023 kéo dài sang năm 2024 cho 09 dự án đầu tư thuộc Dự án thành phần 04, trên địa bàn các huyện: Lăk, Krông Bông, Krông Pắc, M'Đrăk với số vốn là 7.947 triệu đồng (ngân sách trung ương là 5.471 triệu đồng; ngân sách tỉnh là 2.476 triệu đồng).

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện tại các kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của từng số liệu, số vốn, nội dung điều chỉnh; đảm bảo đúng quy định pháp luật về Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước, Nghị quyết của Quốc hội và các quy định pháp luật khác liên quan; đúng nguyên tắc phân bổ vốn tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khoá X, Kỳ họp Chuyên đề lần thứ Mười Lăm thông qua ngày 06 tháng 11 năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH**Huỳnh Thị Chiến Hòa**

Phụ lục

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2023 KÉO DÀI SANG NĂM 2024 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI - BỔ SUNG CỐ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN

(Kèm theo Nghị quyết 34/NQ-HĐND ngày 07/11/2024 của HĐND tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung/Địa bàn	Địa điểm thực hiện	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư					KH năm 2023 kéo dài sang 2024			Điều chỉnh						Kế hoạch 2023 kéo dài sang 2024 sau điều chỉnh			Ghi chú
					Số Quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:			Tổng các nguồn vốn	Trong đó		Điều chỉnh giảm			Điều chỉnh tăng			Tổng các nguồn vốn	Trong đó		
							NSTW	NST	NSH, NSX và HDK		Tổng các nguồn vốn	NSTW	NST	Tổng các nguồn vốn	NSTW	NST						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)
	TỔNG CỘNG									79.887,430	77.023,430	2.864	39.297	36.821	2.476	39.297	36.821	2.476	79.887,430	77.023,430	2.864	
A	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt									34.477	31.613	2.864	30.297	27.821	2.476	-	-	-	4.180	3.792	388	
I	Thành phố Buôn Ma Thuột									396	360	36	396	360	36	-	-	-	-	-	-	
1	Hỗ trợ nhà ở									396	360	36	396	360	36	-	-	-	-	-	-	
II	Huyện Buôn Đôn									5.222	4.870	352	5.222	4.870	352	-	-	-	-	-	-	
1	Hỗ trợ đất ở									2.068	1.880	188	2.068	1.880	188	-	-	-	-	-	-	
2	Hỗ trợ nhà ở									1.804	1.640	164	1.804	1.640	164	-	-	-	-	-	-	
3	Hỗ trợ đất sản xuất									1.350	1.350	-	1.350	1.350	-	-	-	-	-	-	-	
III	Huyện Cư M'gar									1.716	1.548	168	880	796	84	-	-	-	836	752	84	
1	Hỗ trợ đất ở									1.452	1.320	132	660	600	60	-	-	-	792	720	72	
2	Hỗ trợ nhà ở									264	228	36	220	196	24	-	-	-	44	32	12	
IV	Huyện Krông Búk									1.584	1.440	144	1.584	1.440	144	-	-	-	-	-	-	
1	Hỗ trợ nhà ở									1.584	1.440	144	1.584	1.440	144	-	-	-	-	-	-	
V	Huyện Krông Năng									5.104	4.640	464	2.640	2.400	240	-	-	-	2.464	2.240	224	
1	Hỗ trợ đất ở									2.552	2.320	232	1.100	1.000	100				1.452	1.320	132	
2	Hỗ trợ nhà ở									2.552	2.320	232	1.540	1.400	140	-	-	-	1.012	920	92	
VI	Huyện M'Drắk									540	540	-	540	540	-	-	-	-	-	-	-	
1	Hỗ trợ đất sản xuất									540	540	-	540	540	-	-	-	-	-	-	-	
VII	Huyện Krông Bông									1.457	1.345	112	1.457	1.345	112	-	-	-	-	-	-	
1	Hỗ trợ đất ở									1.232	1.120	112	1.232	1.120	112	-	-	-	-	-	-	
2	Hỗ trợ đất sản xuất									225	225	-	225	225	-	-	-	-	-	-	-	
VIII	Huyện Krông Pắc									3.190	2.990	200	3.190	2.990	200	-	-	-	-	-	-	
1	Hỗ trợ đất ở									2.200	2.000	200	2.200	2.000	200	-	-	-	-	-	-	

Số TT	Nội dung/Địa bàn	Địa điểm thực hiện	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				KH năm 2023 kéo dài sang 2024			Điều chỉnh						Kế hoạch 2023 kéo dài sang 2024 sau điều chỉnh			Ghi chú	
					Số Quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:			Tổng các nguồn vốn	Trong đó		Điều chỉnh giảm			Điều chỉnh tăng			Tổng các nguồn vốn	Trong đó		
							NSTW	NST	NSH, NSX và HDK		NSTW	NST	Tổng các nguồn vốn	NSTW	NST	Tổng các nguồn vốn	NSTW	NST				
																			NSTW	NST		NSTW
2	Hỗ trợ đất sản xuất								990	990	-	990	990	-	-	-	-	-	-	-		
IX	Huyện Krông Ana								1.056	960	96	1.012	920	92	-	-	-	44	40	4		
1	Hỗ trợ đất ở								528	480	48	528	480	48	-	-	-	-	-	-		
2	Hỗ trợ nhà ở								528	480	48	484	440	44	-	-	-	44	40	4		
X	Huyện Lắk								14.212	12.920	1.292	13.376	12.160	1.216	-	-	-	836	760	76		
1	Hỗ trợ nhà ở								14.212	12.920	1.292	13.376	12.160	1.216	-	-	-	836	760	76		
B	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết					193.200	183.000	10.200	-	32.678,439	32.678,439	-	9.000	9.000	-	31.350	31.350	-	55.028,439	55.028,439	-	
I	Huyện Ea H'leo					63.000	60.000	3.000	-	21.003,924	21.003,924	-	9.000	9.000	-	-	-	-	12.003,924	12.003,924	-	
1	Dự án Sắp xếp ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn tại xã Cư Amung, huyện Ea H'Leo	Xã Cư Amung, huyện Ea H'leo	Ban QLDA ĐTXD huyện Ea H'leo	2023-2025	1889/QĐ-UBND ngày 28/9/2023	63.000	60.000	3.000	-	21.003,924	21.003,924	-	9.000	9.000	-	-	-	-	12.003,924	12.003,924	-	Vướng mắc về công tác xác định giá đất theo quy định của Luật đất đai 2024 nên làm chậm tiến độ thi công hạng mục san nền khu dân cư trong dự án
II	Huyện Krông Búk					72.200	68.000	4.200	-	1.700,480	1.700,480	-	-	-	-	14.000	14.000	-	15.700,480	15.700,480	-	
1	Dự án ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn xã Ea Sin, huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk	Xã Ea Sin, huyện Krông Búk	Ban QLDA ĐTXD huyện Krông Búk	2023-2025	1852/QĐ-UBND ngày 25/9/2023	72.200	68.000	4.200	-	1.700,480	1.700,480	-	-	-	-	14.000	14.000	-	15.700,480	15.700,480	-	Bổ sung vốn đẩy nhanh tiến độ thực hiện
III	Huyện Krông Năng					58.000	55.000	3.000	-	9.974,035	9.974,035	-	-	-	-	17.350	17.350	-	27.324,035	27.324,035	-	
1	Dự án Ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn tại 3 buôn: Buôn Mrum, buôn A lê, buôn Mngoan, xã Ea Hồ, huyện Krông Năng	Xã Ea Hồ, huyện Krông Năng	Ban QLDA ĐTXD huyện Krông Năng	2023-2025	1394/QĐ-UBND ngày 08/5/2023	30.000	28.400	1.600	-	1.861,902	1.861,902	-	-	-	-	9.000	9.000	-	10.861,902	10.861,902	-	Bổ sung vốn đẩy nhanh tiến độ thực hiện
2	Dự án Ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn thôn Tam Hóp, xã Cư Klông, huyện Krông Năng	Xã Cư Klông, huyện Krông Năng	Ban QLDA ĐTXD huyện Krông Năng	2023-2025	1395/QĐ-UBND ngày 08/5/2023	28.000	26.600	1.400	-	8.112,133	8.112,133	-	-	-	-	8.350	8.350	-	16.462,133	16.462,133	-	Bổ sung vốn đẩy nhanh tiến độ thực hiện
C	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc					71.271	63.652	6.495	1.124	12.731,991	12.731,991	-	-	-	-	7.947	5.471	2.476	20.678,991	18.202,991	2.476	
I	Huyện Lắk					18.750	14.755	3.995	-	6.366,441	6.366,441	-	-	-	-	996	-	996	7.362,441	6.366,441	996	

Số TT	Nội dung/Địa bàn	Địa điểm thực hiện	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				KH năm 2023 kéo dài sang 2024			Điều chỉnh						Kế hoạch 2023 kéo dài sang 2024 sau điều chỉnh			Ghi chú	
					Số Quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:			Tổng các nguồn vốn	Trong đó		Điều chỉnh giảm		Điều chỉnh tăng		Tổng các nguồn vốn	Trong đó				
							NSTW	NST	NSH, NSX và HDK		Tổng các nguồn vốn	NSTW	NST	Tổng các nguồn vốn	NSTW	NST						
1	Kiên cố hóa kênh đập Buôn Tung 2 và đường dọc bờ kênh, xã Buôn Triết	Xã Buôn Triết	Ban QLDA ĐTXD huyện Lắk	2023-2025	3543/QĐ-UBND ngày 29/9/2023	5.000	4.500	500		2.374,943	2.374,943	-	-	-	-	400	-	400	2.774,943	2.374,943	400	Bổ sung vốn thanh toán khối lượng hoàn thành
2	Đường giao thông vào khu sản xuất Buôn Mliêng (Đoạn từ đường liên xã Yang Tao - Đăk Liêng đến đường BTXM thuộc buôn Mliêng), xã Đăk Liêng	Xã Đăk Liêng	Ban QLDA ĐTXD huyện Lắk	2023-2025	3542/QĐ-UBND ngày 29/9/2023	13.750	10.255	3.495		3.991,498	3.991,498	-				596	-	596	4.587,498	3.991,498	596	Bổ sung vốn thanh toán khối lượng hoàn thành
II	Huyện Krông Bông					14.000	10.376	2.500	1.124	-	-	-	-	-	-	1.480	-	1.480	1.480	-	1.480	
1	Các trục đường giao thông tại buôn Tông Rang B và buôn Cư Drăm, xã Cư Drăm	Xã Cư Drăm		2023-2025	2414/QĐ-UBND-15/6/2023	10.000	7.776	1.500	724	-	-	-	-	-	-	680		680	680	-	680	Bổ sung vốn thanh toán khối lượng hoàn thành
2	Đường giao thông trục chính vào khu sản xuất cánh đồng tập trung xã Yang Reh	Xã Yang Reh		2023-2025	2415/QĐ-UBND-15/6/2023	4.000	2.600	1.000	400	-	-	-	-	-	-	800		800	800	-	800	Bổ sung vốn thanh toán khối lượng hoàn thành
III	Huyện Krông Pắc					20.221	20.221	-	-	5.892,303	5.892,303	-	-	-	-	3.500	3.500	-	9.392,303	9.392,303	-	
1	Đường giao thông nông thôn tại các thôn Quảng Tân, thôn Nghĩa Tân, Buôn Tà Đôq, buôn Tà Rầu, buôn Ra Lu, xã Ea Hiu (09 tuyến).	Thôn Quảng Tân, thôn Nghĩa Tân, Buôn Tà Đôq, buôn Tà Rầu, buôn Ra Lu, xã Ea Hiu.	Ban QLDA ĐTXD huyện Krông Pắc	2023-2025	5684/QĐ-UBND ngày 29/9/2023	10.800	10.800	-	-	3.385,425	3.385,425	-	-	-	-	2.000	2.000	-	5.385,425	5.385,425	-	Bổ sung vốn thanh toán khối lượng hoàn thành
2	Kiên cố hóa hệ thống kênh mương, nhà trạm bơm cánh đồng Ea Mao và hệ thống kênh mương trạm bơm T54, xã Ea Yiêng	Buôn Ea Mao, buôn Kon Hring xã Ea Yiêng	Ban QLDA ĐTXD huyện Krông Pắc	2023-2025	5685/QĐ-UBND ngày 29/9/2023	5.200	5.200	-	-	1.286,833	1.286,833	-	-	-	-	1.000	1.000	-	2.286,833	2.286,833	-	Bổ sung vốn thanh toán khối lượng hoàn thành
3	Đường giao thông nông thôn tại buôn Hằng 1A, xã Ea Uy (03 tuyến).	Buôn Hằng 1A, xã Ea Uy	Ban QLDA ĐTXD huyện Krông Pắc	2023-2025	5682/QĐ-UBND ngày 29/9/2023	4.221	4.221	-	-	1.220,045	1.220,045	-	-	-	-	500	500	-	1.720,045	1.720,045	-	Bổ sung vốn thanh toán khối lượng hoàn thành
IV	Huyện M'Drăk					18.300	18.300	-	-	473,247	473,247	-	-	-	-	1.971	1.971	-	2.444,247	2.444,247	-	
1	Đường giao thông các thôn 2, 4 (5 tuyến); công trình liên hợp và đường hai đầu công thôn 8, xã Ea M'Doal	Thôn 2, 4, 8 Xã Ea M'Doal	Ban QLDA ĐTXD huyện M'Drăk	2023-2025	2580/QĐ-UBND-22/6/2023	8.600	8.600	-	-	328,095	328,095	-	-	-	-	1.500	1.500	-	1.828,095	1.828,095	-	Bổ sung vốn thanh toán khối lượng hoàn thành
2	Các tuyến đường giao thông thôn 5, 6, 7 (02 tuyến), xã Cư Prao	Thôn 5, 6, 7 Xã Cư Prao	Ban QLDA ĐTXD huyện M'Drăk	2023-2025	2581/QĐ-UBND-22/6/2023	9.700	9.700	-	-	145,152	145,152	-	-	-	-	471	471	-	616,152	616,152	-	Bổ sung vốn thanh toán khối lượng hoàn thành